

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2018/DS-ST
Ngày: 04- 10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thiện.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 69/2016/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 862/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 191 BT, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Công C (văn bản uỷ quyền ngày 20-7-2017). (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: 25 ĐK, phường T, quận N, thành phố C.

Ông Đặng Anh K (vắng mặt)

Địa chỉ: 138/76 THĐ, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04-12-2013 và trong quá trình xét xử đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17-9-2009 Ngân hàng TMCP K- Chi nhánh Cần Thơ – PGD A cấp tín dụng cho ông Đặng Anh K và bà Nguyễn Thị Hồng Đ theo Hợp đồng tín dụng số

20166/HĐTD/TH-TN/TCB-AHA ngày 15-9-2009, số tiền vay 210.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích mua xe. Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên ông Đặng Anh K và bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã thế chấp xe ô tô con hiệu KIA MORING, biển số 65L-2160, số máy G4HG9P007334, số khung RNYSA24339C003257 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000769 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 12-9-2009 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04158/HĐTC/TCB-AHA ngày 15-9-2009 đã được Phòng Công chứng số 2, thành phố Cần Thơ chứng nhận, số công chứng 3712 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 17-9-2009.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP K (viết tắt là Ngân hàng) với tổng số tiền gốc 39.375.000đồng, tiền lãi là 49.172.761đồng. Do ông K, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông K, bà Đ thanh toán nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo quy định nhưng ông K, bà Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 04-10-2018 ông K và bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 515.323.527đồng (Trong đó nợ gốc là 170.625.000đồng, nợ lãi đến hạn chưa trả 27.432.295đồng, nợ lãi quá hạn 317.266.232đồng), Ngân hàng rút toàn bộ phần lãi phạt đối với khoản vay này.

Do đó, Ngân hàng kiện yêu cầu ông K và bà Đ phải trả nợ gốc và lãi phát sinh trên số nợ gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu ông K và bà Đ không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông K và bà Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông K, bà Đ không có mặt tại địa phương nên không thể tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã lập biên bản không tổng đạt được và tiến hành làm thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông K, bà Đ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông K, bà Đ được.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 04-10-2018 với tiền số tiền tổng cộng là 515.323.527đồng (Trong đó nợ gốc là 170.625.000đồng, nợ lãi đến hạn chưa trả 27.432.295đồng, nợ lãi quá hạn 317.266.232đồng). Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi số tiền bị đơn còn nợ.

* Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; về xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng là đúng quy định; việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng

các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình được hợp đồng tín dụng bản gốc có chữ ký của bị đơn, mặc dù bị đơn vắng mặt nơi cư trú nhưng hợp đồng đã thể hiện rõ địa chỉ của bị đơn, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết đó là lỗi của bị đơn, do đó căn cứ khoản 3 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Tòa án đã tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt theo đúng quy định. Xét hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản và thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo được ký kết vào thời điểm năm 2009, nguyên đơn là tổ chức tín dụng được thành lập hợp pháp do đó áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 để điều chỉnh các thỏa thuận của đương sự. Xét hình thức giao dịch đều được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, do đó căn cứ vào các hợp đồng, giao dịch giữa các bên thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi đến thời điểm xét xử tổng cộng là 515.323.527 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục*: Bị đơn ông Đặng Anh K, bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông K, bà Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 04-12-2013 và Hợp đồng tín dụng số 20166/HĐTD/TH-TN/TCB-AHA ngày 15-9-2009 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thể hiện bà Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 25 ĐK, phường T, quận N, thành phố C và căn cứ kết quả xác minh của công an phường A, quận N, thành phố C thể hiện ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 138/76 T.H.Đ, phường A, quận N, thành phố C nhưng thực tế cả ông K, bà Đ đều không có sinh sống tại địa phương, không rõ ở đâu. Như vậy, ông K và bà Đ thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của ông K, bà Đ trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, việc ông K, bà Đ thay đổi nơi cư trú

mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 04-12-2013, Hợp đồng tín dụng số 20166/HĐTD/TH-TN/TCB-AHA ngày 15-9-2009 và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ kiện cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn, bị đơn ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn để vay số tiền 210.000.000đồng, dư nợ 210.000.000đồng kèm theo khế ước nhận nợ về cam kết trả nợ có chữ ký của bị đơn đã thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có sự giao dịch vay vốn. Tuy nhiên, do bị đơn không thanh toán nợ theo đúng hợp đồng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng, do đó nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi, trong đó có lãi trong hạn, lãi quá hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành, do đó yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên phía nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn là có căn cứ.

Đối với hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 342, 343, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh của nguyên đơn là có căn cứ.

Tính đến thời điểm này bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số là 515.323.527đồng (Trong đó nợ gốc là 170.625.000đồng, nợ lãi đến hạn 27.432.295đồng, nợ lãi quá hạn 317.266.232đồng).

Do đó buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ trên là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

Xét trình bày của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342, Điều 343, Điều 347, Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết

số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27-02-2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K với ông Đặng Anh K, bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Buộc ông Đặng Anh K, bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP K số nợ gốc, lãi tính đến ngày 04-10-2018 là 515.323.527 đồng (Năm trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng).

Trường hợp ông K, bà Đ không trả được số nợ trên hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu KIA MORING, biển số 65L-2160, số máy G4HG9P007334, số khung RNYSA24339C003257 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000769 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 12-9-2009 tên Nguyễn Thị Hồng Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04158/HĐTC/TCB-AHA ngày 15-9-2009 đã được Phòng Công chứng số 2, thành phố Cần Thơ chứng nhận, số công chứng 3712, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 17-9-2009 để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

Kể từ ngày 05-10-2018 ông K, bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Anh K và bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải nộp 24.612.941 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn chín trăm bốn mươi một đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 001731 ngày 28-4-2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- THADSQNK;
- Các đs;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Tuyết Phương